

DANH SÁCH KIỂM TRA KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH NGÀY 21 THÁNG 5 NĂM 2017

Ngày thi: 21/5/2017

Ca thi: SÁNG (7h30-11h30)

Giảng đường:

3B202

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Khóa	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ký nhận
1	TES001	HOÀNG THỊ KIỀU	ANH	10.10.1991	LẠNG SƠN	7			
2	TES002	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	13.03.1995	THÁI NGUYÊN	8			
3	TES003	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	12.08.1995	THÁI NGUYÊN	11			
4	TES004	HOÀNG THỊ	BÓNG	02.05.1994	BẮC KẠN	11			
5	TES005	NGUYỄN MINH	CHÂU	17.02.1994	CAO BẰNG	10			
6	TES006	QUANG KHÁNH	CHIỀU	15.08.1994	NGHỆ AN	11			
7	TES007	TRẦN THỊ	CÚC	21.10.1995	THÁI NGUYÊN	11			
8	TES008	MA THỊ	ĐẸP	12.01.1995	BẮC KẠN	11			
9	TES009	PHẠM THỊ	DIỆP	20.08.1994	BẮC KẠN	11			
10	TES010	HOÀNG THỊ THÚY	DUNG	13.03.1995	HÀ GIANG	11			
11	TES011	BÙI THỊ	HÀ	7/8/1994	BẮC GIANG	11			
12	TES012	HOÀNG THỊ	HÈ	10.05.1996	HÀ GIANG	11			
13	TES013	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	24.08.1995	THÁI NGUYÊN	11			
14	TES014	NGUYỄN THỊ	HOA	12.01.1995	NAM ĐỊNH	11			
15	TES015	NGUYỄN THỊ	HOA	11.03.1995	BẮC KẠN	11			
16	TES016	PHẠM THANH	HOA	26.12.1994	THÁI NGUYÊN	11			
17	TES017	PHẠM THU	HÒA	13.06.1995	HÀ NỘI	11			
18	TES018	NGÔ DUY	HOÀNG	03.01.1994	HÀ NỘI	11			
19	TES019	LÊ THỊ	HỒNG	10.07.1994	THANH HÓA	11			
20	TES020	TÔN THỊ	HUÊ	28.09.1995	BẮC NINH	11			
21	TES021	TRẦN THỊ	HUÊ	30.08.1994	THÁI NGUYÊN	11			
22	TES022	LÔI ĐÌNH	HÙNG	12.03.1994	THÁI NGUYÊN	11			
23	TES023	NGUYỄN VĂN	HÙNG	30.01.1995	HÀ NAM	11			
24	TES024	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	11.06.1995	THÁI NGUYÊN	11			
25	TES025	LA THỊ THU	HƯƠNG	25.12.1994	CAO BẰNG	11			
26	TES026	VŨ QUỲNH	HƯƠNG	09.07.1994	THÁI NGUYÊN	11			
27	TES027	BÙI THỊ THU	HƯƠNG	07.06.1995	THÁI NGUYÊN	11			
28	TES028	CAO THỊ	HUYỀN	09.12.1995	PHÚ THỌ	11			
29	TES029	ĐÀO THỊ	HUYỀN	16.04.1995	THÁI NGUYÊN	11			
30	TES030	LÊ THỊ	HUYỀN	04.08.1995	THÁI NGUYÊN	11			
31	TES031	VÀNG LAO	LÀNH	13.08.1993	SƠN LA	11			
32	TES032	VI THỊ	LỆ	03.10.1995	LẠNG SƠN	11			
33	TES033	VŨ THỊ MỸ	LỆ	22.10.1994	NGHỆ AN	11			
34	TES034	CHÂU MỸ	LINH	01.01.1995	HÀ GIANG	11			
35	TES035	DƯƠNG THỊ	LINH	09.12.1995	THÁI NGUYÊN	11			

Ngày thi: 21/5/2017

Ca thi: SÁNG (7h30-11h30)

Giảng đường:

3B202

36	TES036	DƯƠNG THỊ THÙY LINH	28.08.1994	BẮC KẠN	10			
37	TES037	NGUYỄN THÙY LINH	24.02.1995	HÀ NỘI	11			
38	TES038	ĐÀM THỊ LƯƠNG	07.02.1995	BẮC GIANG	11			
39	TES039	NGUYỄN THỊ MAI	06.08.1995	HÒA BÌNH	11			
40	TES040	LÙ THỊ MINH	25.12.1995	SƠN LA	11			
41	TES041	TRẦN THANH NAM	22.03.1995	THÁI NGUYÊN	11			
42	TES042	PHẠM THÚY NGÀ	31.03.1995	THÁI BÌNH	11			
43	TES043	ĐÀO THỊ HẢI NGỌC	12.08.1995	THÁI NGUYÊN	11			
44	TES044	NGUYỄN TIẾN NGỌC	15.04.1995	HÀ NỘI	11			
45	TES045	LÊ THỊ NHI	25.11.1995	CAO BẰNG	11			
46	TES046	BÀN THỊ NHUNG	03.06.1995	YÊN BÁI	11			
47	TES047	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	21.06.1995	YÊN BÁI	11			
48	TES048	TRẦN HỒNG NHUNG	17.03.1995	SƠN LA	11			
49	TES049	TRẦN THỊ NHUNG	09.09.1993	THÁI NGUYÊN	9			
50	TES050	BÙI THỊ NGỌC NUÔNG	18.11.1995	HÒA BÌNH	11			
51	TES051	LÃNH THỊ PHIÊN	05.01.1994	CAO BẰNG	11			
52	TES052	ĐÀM VĂN PHƯƠNG	08.02.1995	CAO BẰNG	11			
53	TES053	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	26.01.1995	BẮC NINH	11			
54	TES054	TRIỆU BÍCH PHƯƠNG	06.08.1994	CAO BẰNG	11			
55	TES055	LỤC THỊ SINH	09.11.1995	THÁI NGUYÊN	11			
56	TES056	NGUYỄN NGỌC SƠN	16.08.1994	THÁI NGUYÊN	11			
57	TES057	LƯU VĂN THẮNG	12.06.1993	HÀ GIANG	10			
58	TES058	PHÙNG THỊ THẢO	03.12.1994	BẮC KẠN	11			
59	TES059	HỨA THỊ HỒNG THÊM	20-12-91	BẮC KẠN	7			
60	TES060	MÃ ĐỨC THIỆP	12.07.1994	HÀ GIANG	10			
61	TES061	HOÀNG VĂN THƯƠNG	30.05.1992	BẮC KẠN	11			
62	TES062	VŨ THỊ THƯƠNG	19.01.1994	BẮC NINH	11			
63	TES063	LÊ THỊ THÚY	17.01.1995	THÁI BÌNH	11			
64	TES064	NGUYỄN THỊ THÚY	01.07.1994	BẮC GIANG	11			
65	TES065	PHẠM BÍCH THỦY	01.10.1995	QUẢNG NINH	11			

Số sinh viên có mặt ... Số sinh viên vắng mặt.....Tổng số b Tổng số tờ giấy thi:.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:.....

Cán bộ coi thi 1:..... Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:..... Cán bộ chấm thi 2:.....

TRUNG TÂM NN-TH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH NGÀY 21 THÁNG 5 NĂM 2017

Ngày thi: 21/5/2017

Ca thi: SÁNG (7h30-11h30)

Giảng đường:

3B203

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Khóa	Điểm thi (bảng số)	Điểm thi (bảng chữ)	Ký nhận
1	TES066	HOÀNG THỊ	TOÀN	17.02.1993	BẮC KẠN	11			
2	TES067	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	18.04.1994	THÁI NGUYÊN	10			
3	TES068	MA VĂN	TÓI	27.06.1994	LẠNG SƠN	11			
4	TES069	ĐÌNH VĂN	TỔNG	06.07.1993	CAO BẰNG	11			
5	TES070	HÀ QUỲNH	TRANG	26.04.1995	BẮC KẠN	11			
6	TES071	LÊ HÀ	TRANG	04.05.1994	TUYÊN QUANG	11			
7	TES072	LÊ THỊ THU	TRANG	17.10.1995	LAI CHÂU	11			
8	TES073	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	29.03.1995	THÁI NGUYÊN	11			
9	TES074	HOÀNG TRỌNG	TUÂN	27.11.1993	HÀ GIANG	11			
10	TES075	NÔNG VĂN	TUÂN	22.12.1994	CAO BẰNG	11			
11	TES076	HOÀNG ANH	TUẤN	20.06.1993	BẮC KẠN	11			
12	TES077	HOÀNG VĂN	TUẤN	25.12.1993	THÁI NGUYÊN	11			
13	TES078	NGUYỄN THỊ HỒNG	VANG	11.06.1995	NAM ĐỊNH	11			
14	TES079	TRĂNG SAO	XOANG	01.07.1993	LÀO CAI	11			
15	TES080	MA THỊ	XUYẾN	16.07.1995	BẮC KẠN	11			
16	TES081	MUÙ THỊ HẢI	YẾN	02.12.1995	THÁI NGUYÊN	11			
17	TES082	Ngô Tuấn	Anh	27/02/1995	Tuyên Quang	K11 Báo chí			
18	TES083	Đỗ Thị	Ánh	16/08/1995	Thái Nguyên	K11 KHQL			
19	TES084	Vy Thị	Biển	12/08/1994	Bắc Kạn	K11 KHQL			
20	TES085	Vì Thị	Châm	21/11/1995	Lạng Sơn	K11 CTXH			
21	TES086	Hoàng Thị	Cúi	29/03/1994	Hà Giang	K11 Thư viện			
22	TES087	Đoàn Văn	Cường	02/01/1995	Thái Bình	K11 CNSH			
23	TES088	Hoàng Thị	Đào	14/01/1995	Tuyên Quang	K11 CTXH			
24	TES089	Nguyễn Việt	Đoàn	21/04/1995	Bắc Giang	K11 CoN Sinh			
25	TES090	Phạm Văn	Duy	02/02/1995	Ninh Bình	K11 Hóa			
26	TES091	Ngô Văn	Hà	04/11/1994	Bắc Ninh	K11 KHMT			
27	TES092	Nguyễn Thu	Hà	05/11/1995	Quảng Ninh	K11 Văn			
28	TES093	Nguyễn Anh	Hà	23/07/1995	Thái Nguyên	K11 Luật			
29	TES094	Phạm Thị Thu	Hằng	15/01/1995	Bắc Kạn	K11 Luật			
30	TES095	Hoàng Thị	Hạnh	21/08/1995	Lạng Sơn	K11 QLTNMT			
31	TES096	Phùng Thị Mỹ	Hạnh	24/09/1995	Hà Nội	K11 KHMT			
32	TES097	Triệu Thu	Hoài	15/03/1993	Cao Bằng	K11 Báo chí			
33	TES098	Lại Văn	Hoàng	06/04/1993		K9 KHMT			
34	TES099	Nguyễn Thị	Hồng	14/01/1995	Bắc Giang	K11 Văn			
35	TES100	Cao Thị	Huệ	26/06/1995	Thái Nguyên	K11 Sử			
36	TES101	Nông Thu	Hương	15/05/1994	Cao Bằng	K11 CTXH			
37	TES102	Dương Thị	Hương	24/06/1995	Thái Nguyên	K11 Hóa			

38	TES103	Trần Thị	Hương	28/02/1995	Bắc Kạn	K11 CTXH			
39	TES104	Hoàng Thị	Hương	10/04/1995	Ninh Bình	K11 Sư			
40	TES105	Phạm Hồng	Khôi	28/01/1995	Thái Bình	K11 KHMT			
41	TES106	Mông Văn	Khương	01/07/1995	Thái Nguyên	K11 CTXH			
42	TES107	Hoàng Thị Thúy	Kiều	22/10/1995	Thái Nguyên	K11 Toán			
43	TES108	Hoàng Thị Út	Liên	03/02/1993	Hà Giang	K9 Sinh			
44	TES109	Lương Thị Hồng	Liên	12/09/1994	Nghệ An	K11 CTXH			
45	TES110	Nguyễn Thị	Liên	19/04/1995	Thanh Hóa	K11 KHQL			
46	TES111	Phùng Thị Hồng	Liên	08/06/1995	Ninh Bình	K11 QLTNMT			
47	TES112	Đào Thị Thúy	Linh	05/04/1995	Hà Nội	K11 Sinh			
48	TES113	Lê Thị Hồng	Nhung	09/04/1995	Thái Nguyên	K11 Luật			
49	TES114	Ngô Thị	Oanh	16/09/1995	Thái Nguyên	K11 CTXH			
50	TES115	Lâm Thị	Oanh	25/11/1994	Hà Nội	K11 Báo chí			
51	TES116	Hoàng Hữu	Phước	11/12/1995	Thái Nguyên	L11 Luật			
52	TES117	Bùi Bích	Phương	02/01/1995	Thái Nguyên	K11 Văn			
53	TES118	Nguyễn Văn	Sáng	13/04/1992	Vĩnh Phúc	K11 Địa			
54	TES119	Giàng Minh	Thành	13/07/1994	Tuyên Quang	K11 CTXH			
55	TES120	Nông Thị	Thảo	02/09/1995	Cao Bằng	K11 VNH			
56	TES121	Phan Thạch	Thảo	06/03/1995	Thái Nguyên	K11 Luật			
57	TES122	Hoàng Thị	Thứ	14/08/1994	Hà Giang	K10 Địa			
58	TES123	Nông Thị	Thúy	02/12/1995	Bắc Kạn	K11 Luật			
59	TES124	Nguyễn Thị	Thúy	20/08/1995	Thái Nguyên	K11 Luật			
60	TES125	Đặng Thị Diệu	Thùy	19/04/1995	Yên Bái	K11 Báo chí			
61	TES126	Dương Thị	Thùy	13/11/1995	Lạng Sơn	K11 Văn			
62	TES127	Đặng Văn	Tiến	05/02/1995	Hà Nội	K11 Báo chí			
63	TES128	Vị Văn	Tình	11/03/1994	Lạng Sơn	K10 KHQL			
64	TES129	Hoàng Thị	Tơ	01/11/1994	Tuyên Quang	K11 CTXH			
65	TES130	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/02/1995	Bắc Ninh	K11 CTXH			
66	TES131	Triệu Thị	Yên	27/08/1995	Tuyên Quang	K11 CTXH			

Số sinh viên có mặt ... Số sinh viên vắng mặt.....Tổng số bài + Tổng số tờ giấy thi:.....

Số sinh viên vi phạm quy chế thi:.....

Cán bộ coi thi 1:..... Cán bộ chấm thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:..... Cán bộ chấm thi 2:.....

TRUNG TÂM NN-TH